TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2026/HNGĐ - ST
Ngày 18 tháng 8 năm 2026
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông

2. Ông Kim Văn Quang

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên tòa*:* Ông Hoàng Minh Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2026/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1989; số CCCD: 025189007324; HKTT: Thôn C, xã V, tỉnh Phú Thọ; nơi ở hiện nay: Thôn A, xã L, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Trương Trọng L, sinh năm 1989; số CCCD: 026089014186; địa chỉ: Thôn C, xã V, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 12/2025 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị và anh Trương Trọng L kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ) vào ngày 18/4/2014. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh L ở thôn C, xã V. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, nhưng được thời gian ngắn thì giữa hai vợ

chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh L không tu chí làm ăn, không quan tâm hay có trách nhiệm đến gia đình. Đến tháng 02/2025, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Trọng L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là cháu Trương Hương T1, sinh ngày 01/01/2015 và cháu Trương Ngọc Á, sinh ngày 06/10/2020. Hiện cháu T1 đang ở cùng anh L, cháu Á đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Ngọc Á; để anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Hương T1; chị và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Trọng L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2026, bà Cao Thị S là mẹ đẻ của anh Trương Trọng L trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Trương Trọng L. Năm 2014 bà tổ chức hôn lễ cho anh L và chị T. Sau ngày cưới chị T về làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà bà. Đến năm 2015 thì vợ chồng anh chị ra ăn ở riêng. Quá trình anh chị sống chung có mâu thuẫn gì thì bà không nắm được. Hiện nay chị T và anh L đã sống ly thân. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh L quan điểm của bà để anh chị tự quyết định. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Trương Hương T1 và cháu Trương Ngọc Á. Hiện cháu T1 đang ở cùng anh L, cháu Á đang ở cùng chị T. Anh L cũng trao đổi với bà là vợ chồng ly hôn thì mỗi vợ chồng nuôi 1 con. Anh L nuôi cháu T1, chị T nuôi cháu Á. Về tài sản, công nợ, công sức, đất canh tác: Vợ chồng anh chị có tài sản gì, có đất đai, nợ ai bà không biết. Bà xác nhận đã nhận thay anh L giấy báo của Tòa, bà có thông báo cho anh L và động viên anh L đến Tòa án làm việc.

UBND xã V, tỉnh Phú Thọ cung cấp:

Chị Bùi Thị T và anh Trương Trọng L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ) vào ngày 18/4/2014. Sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng anh L ở thôn C, xã V. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng UBND xã không nắm bắt được. Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Trương Trọng L có 02 con chung là cháu Trương Hương T1, sinh ngày 01/01/2015 và cháu Trương Ngọc Á, sinh ngày 06/10/2020. Nếu anh chị ly hôn

đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm quyền lợi tốt nhất cho con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng chức trách, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền nghĩa vụ tố tụng có mặt theo giấy triệu tập của Toà án.

Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T xin được ly hôn với anh Trương Trọng L.

Về con chung: Giao cho anh Trương Trọng L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trương Hương T1, sinh ngày 01/01/2015; giao cho chị Bùi Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trương Ngọc Á, sinh ngày 06/10/2020. Anh L, chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Trương Trọng L, anh L có nơi cư trú tại xã V, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên toà nguyên đơn là chị Bùi Thị T vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn anh Trương Trọng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành

xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T, sinh ngày 19/01/1989 kết hôn với anh Trương Trọng L, sinh ngày 01/6/1989 ngày 18/4/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ép buộc, cưỡng ép kết hôn, phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa phương. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ tháng 02/2025, vợ chồng sống ly thân. Mặc dù đã có thời gian sống xa nhau nhưng các bên không có biện pháp hòa giải, khắc phục mâu thuẫn. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh L dù biết có việc chị T khởi kiện ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc, thể hiện thái độ thiếu thiện chí, không còn mong muốn đoàn tụ.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Trương Trọng L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Bùi Thị T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Hương T1, sinh ngày 01/01/2015 và cháu Trương Ngọc Á, sinh ngày 06/10/2020. Hiện cháu T1 đang ở cùng anh L, cháu Á đang ở cùng chị T. Khi ly hôn, chị T đề nghị giao mỗi vợ chồng trực tiếp nuôi 01 con; chị trực tiếp nuôi cháu Á, anh L trực tiếp nuôi cháu T1 và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Cháu Trương Hương T1 hiện đang sinh sống cùng anh L, cháu Trương Ngọc Á đang sinh sống cùng chị T, các cháu phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý. Để các cháu có điều kiện phát triển tốt nhất cần giao cho mỗi vợ chồng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng một con chung là phù hợp. Cháu Á bé hơn, cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn nên cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; để anh L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 vừa đảm bảo ổn định về môi trường sống, học tập và phù hợp với nguyện vọng của cháu T1. Các đương sự không đề nghị về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trong quá trình giải

quyết vụ án, bị đơn anh Trương Trọng L vắng mặt, không có ý kiến hoặc đề nghị liên quan đến các nội dung nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Khi các đương sự có yêu cầu, sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Bùi Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quan điểm giải quyết vụ án như đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ đã đề nghị là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Trương Trọng L.

2. Về con chung: Giao cho anh Trương Trọng L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Hương T1, sinh ngày 01/01/2015; giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Ngọc Á, sinh ngày 06/10/2020 (Hiện nay cháu T1 đang ở cùng anh L; cháu Á đang ở cùng chị T). Chị T và anh L không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001561 ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 10 - Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
-UBND xã Vĩnh Phú;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
-Lưu HSVA.

Phạm Thị Ngọc Phượng